

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY TRI THỨC DÂN GIAN TRONG NGHỀ LÀM GIẤY CỦA NGƯỜI DAO ĐỎ Ở BẢN HUA CHĂNG VÀ TÂN HỢP (HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU)

Đoàn Thị Mỹ Hương*

Tóm tắt: Trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể, nghề thủ công truyền thống được ghi nhận từ những bí quyết, qui trình kỹ thuật, nguyên liệu tạo sản phẩm. Đáng kể hơn còn là tinh thần thiện với môi trường trong sử dụng nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương, là cách xử lý nguyên liệu và vận dụng một cách sáng tạo... tất cả được đúc kết thành những kiến thức dân gian - kiến thức thu nhận từ ứng xử của con người với môi trường. Ở nhiều nghề thủ công của các dân tộc miền núi phía Bắc, qua nghiên cứu cho thấy tri thức dân gian trong thực hành nghề đã được thể hiện khá rõ nét từ cách lựa chọn nguyên liệu, cho đến các qui trình kỹ thuật... tất cả đều là sự đúc kết kinh nghiệm lưu truyền nhiều thế hệ. Bài viết này sẽ nghiên cứu, tìm hiểu những vấn đề liên quan đến lịch sử nghề giấy, khái niệm tri thức dân gian, hay nghề làm giấy của người Dao Đỏ ở bản Hua Chăng và Tân Hợp (tỉnh Lai Châu). Từ đó, góp phần cho thấy sự cần thiết phải bảo tồn và phát huy giá trị của tri thức dân gian từ công đoạn sơ chế nguyên liệu, chọn công cụ thực hành, cho đến mối liên hệ giữa tri thức dân gian và phát triển bền vững ở nghề làm giấy của người Dao Đỏ vùng núi phía Bắc nước ta.

Từ khóa: Nghề thủ công truyền thống, tri thức dân gian, bản địa, nghề làm giấy, người Dao Đỏ, Hua Chăng, Tân Hợp, bảo tồn, phát huy giá trị, nguyên liệu, phát triển bền vững.

1. Dẫn nhập

Khái niệm

Tri thức dân gian là một trong nhiều cách gọi của tri thức bản địa (Indigenous Knowledge), một thuật ngữ mà Robert Chambers đã đưa ra lần đầu trong một công trình xuất bản năm 1979. Cho đến nay, cụm từ này đã được nhiều học giả sử dụng trong các công trình, bài viết ở một số lĩnh vực khác nhau, như: nông nghiệp, sức khỏe, quản lý tài nguyên thiên nhiên và nhiều hoạt động khác (1), trong đó có lĩnh vực di sản, di sản văn hóa phi vật thể... Tác giả Nguyễn Danh Tiên đã nêu một số quan điểm về thuật ngữ này như sau:... “tri thức bản địa” (Indigenous Knowledge), “tri thức địa phương” (Local Knowledge) được sử dụng trong một số công trình nghiên cứu với nhiều tên gọi khác nhau: “tri thức địa phương”, “kiến thức bản địa”, “kiến thức địa phương”,

“văn hóa truyền thống”, “tri thức dân gian”, “bản sắc văn hóa tộc người”, “tri thức tộc người”, “phong tục tập quán”,...” (2).

Việc tìm hiểu những vấn đề liên quan đến tri thức dân gian (hay tri thức bản địa) trong một nghề thủ công, ở một dân tộc cụ thể cũng là một vấn đề cần được quan tâm, nghiên cứu, bởi nó là cụm từ duy nhất dành cho đặc trưng của văn hóa và xã hội..., nó còn được dùng trong thực tiễn cộng đồng, thể chế, mối quan hệ và nghi lễ... là kiến thức ngầm thiết yếu không dễ mã hóa (3). Thuật ngữ này cũng được P. Blunt và D.M. Warren xác nhận đây là những hệ thống tri thức và thực nghiệm được phát triển qua nhiều thế hệ trong một lĩnh vực cụ thể tới một nền văn hóa chuyên biệt (4). Nguyễn Danh Tiên trong bài viết của mình cũng thống nhất cho rằng đây là một dạng tri thức hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài, qua kinh nghiệm ứng xử của con người với

* PGS.TS. Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

môi trường và xã hội; được lưu truyền từ đời này qua đời khác qua trí nhớ, qua thực tiễn sản xuất và thực hành xã hội (5). Tri thức dân gian còn là một hệ thống kiến thức của các dân tộc bản địa, phát triển trong những hoàn cảnh nhất định, trong đó không thể thiếu sự đóng góp từ phía các thành viên trong cộng đồng (6).

Đề cập đến nghề thủ công của các dân tộc miền núi phía Bắc, có thể thấy khá rõ đồng bào các dân tộc nơi đây sử dụng tri thức dân gian qua kinh nghiệm, qua sự lưu truyền các thế hệ và thể hiện những kinh nghiệm thu nhận được từ ứng xử của con người với môi trường qua lao động, sản xuất. Hệ thống tri thức dân gian này thể hiện trong cách lựa chọn nguyên liệu từ thiên nhiên như những chất “phụ gia” để tạo nên sản phẩm như cây *Co hóm* tạo màu chàm nhuộm vải của người Thái, cây măng vầu non hay rom rạ tạo bột, hoặc một loại thân cây trên rừng tạo chất kết dính trong làm giấy của người Mông, người Dao Đỏ... tất cả những thành tố này đã tạo nên hệ thống tri thức truyền thống, một hệ thống tri thức trong tên gọi: tri thức dân gian mà trong bài viết này muốn đề cập đến, nhằm mục đích bảo tồn và phát huy tri thức dân gian, phát huy các giá trị của di sản, đặc biệt các di sản thuộc về nghề thủ công truyền thống các dân tộc miền núi phía Bắc, đặc biệt là nghề làm giấy của người Dao Đỏ ở bản Hua Chăng, Tân Hợp tỉnh Lai Châu.

Một số khái quát về nghề làm giấy

Trên thế giới, nghề làm giấy có lịch sử khá lâu đời, có giả thuyết cho rằng: Sái Luân - một viên quan Trung Quốc thời Hậu Hán, năm 105 sau CN - có vai trò quan trọng trong phát minh, cải tiến nguyên liệu và kỹ thuật cho phép tạo ra nhiều khuôn khổ giấy khác nhau nhờ một khung gỗ có thể điều chỉnh rộng - hẹp và lắp thêm một số vật liệu chuyên dụng khác cho phép có thể tách giấy ra khỏi khung trước khi đem phơi (7).

Việc tạo ra giấy cho phép con người có thể ghi chép và lưu giữ kinh nghiệm dưới dạng

văn bản. Nguyên liệu tạo ra giấy thường được làm từ sợi gai, vỏ cây, hoặc thậm chí từ rom rạ... ; kỹ thuật chế tạo giấy, thường dùng là sử dụng khung tre hoặc gỗ, dùng bột tre, rom hoặc gai rải đều và bóc ra khi đã phơi khô. Theo cách chế tạo thủ công này, nhiều cộng đồng dân tộc vẫn lưu giữ, phát triển và ngày một hoàn thiện hơn các phương thức và kỹ thuật thực hiện, chủ yếu tập trung ở các cộng đồng dân tộc ít người, hay phục vụ du lịch...

Ở Việt Nam, nếu người Kinh có nghề làm giấy thủ công như: giấy bản Yên Thái (Hà Nội), giấy Dó (Bắc Ninh) thì ở một số dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc, nghề làm giấy cũng được lưu truyền qua nhiều thế hệ và vẫn tồn tại cho đến nay. Khác với mục đích kinh doanh trong làm giấy của người Kinh, đồng bào dân tộc thiểu số làm giấy, trước hết, tự cung cấp cho nhu cầu tâm linh của gia đình: làm tiền âm phủ, trang trí trong gia đình vào các dịp cúng giỗ, năm mới; sau nữa, số giấy còn dư sẽ đem bán trong các phiên chợ. Những dân tộc thiểu số ở Việt Nam tự sản xuất giấy có thể kể đến là người Mông và người Dao Đỏ. Kỹ thuật và qui trình làm giấy của họ chủ yếu là sử dụng sự khéo léo của đôi tay trong kỹ thuật trải bột giấy lên bề mặt và kỹ thuật bóc tấm giấy đã khô ra khỏi khuôn làm từ tre và vải. Qui trình và kỹ thuật này khác với kỹ thuật seo giấy truyền thống của người Kinh. Do những hạn chế nhất định về tộc người mà nghề làm giấy của người Mông hay người Dao Đỏ không phát triển thành một làng nghề như người Kinh. Do vậy, tìm hiểu những tri thức bản địa trong cộng đồng dân tộc thiểu số như người Dao Đỏ là một yêu cầu thiết yếu để bảo tồn và phát triển bền vững giá trị văn hóa lâu đời. Đúng như Ngân hàng Thế giới đã nhận định: “Điều tra trước tiên những gì cộng đồng địa phương biết và có, có thể cải thiện sự hiểu biết về các điều kiện địa phương và cung cấp bối cảnh hữu ích cho các hoạt động được thiết kế để giúp đỡ cộng đồng gia tăng tính bền vững, giúp tăng cường sự hiểu biết đa văn hóa và thúc đẩy văn hóa phát triển” (8).

Người Dao Đỏ ở Việt Nam và người Dao Đỏ ở bản Hua Chăng và Tân Hợp

Bản về nguồn gốc của người Dao Đỏ, các tài liệu thu thập được cho thấy: Người Dao có nguồn gốc xa xưa ở đảo Hải Nam (Trung Quốc), di cư sang Việt Nam vào thời Lê (khoảng cuối thế kỷ XVII), thường sống ở vùng lưng chừng núi tại hầu khắp các tỉnh miền núi phía Bắc, trong đó, người Dao Đỏ ở trên núi cao. Có một lịch sử khá lâu đời, có tri thức dân gian rất phong phú, đặc biệt là tri thức trong bào chế các loại thuốc chữa bệnh, người Dao sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa nương và lúa nước, trong đó, đáng chú ý là các kĩ thuật khá tiên bộ trong canh tác và làm nghề thủ công như: trồng bông, dệt vải; nghề rèn sản xuất nông cụ; nghề làm đồ trang sức bạc; nghề làm giấy (loại giấy tương tự giấy bản dùng để chép sách cúng, sách hát, sách truyện, viết số, tiền âm phủ cúng ma)... (9)

Người Dao ở Việt Nam có nhiều tên gọi khác nhau, song nhìn chung, qui tụ thành các nhóm như: Dao Quần Chẹt, Dao Thanh Phán, Dao Tiền, Dao Quần trắng, Dao Thanh Y, Dao Làn Tèn và Dao Đỏ. Về tôn giáo, người Dao phần lớn theo tín ngưỡng nguyên thủy và chịu ảnh hưởng của đạo Không, đạo Phật và Đạo giáo trong quan niệm và nghi thức, lễ giáo. Không như với một số dân tộc thiểu số khác, người Dao tuy không có văn tự riêng nhưng trong bản, đều có người biết chữ và có thể đọc, viết được sách cúng, sách truyện, thơ bằng chữ Hán hay chữ Nôm Dao (chữ Hán đã được Dao hóa). Có lẽ, đây là một trong những lý do khiến nghề làm giấy của người Dao Đỏ cho đến nay vẫn được lưu truyền, có sức sống bền bỉ trước nhiều biến thiên của lịch sử và xã hội.

Bản Hua Chăng, Tân Hợp thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu là hai bản thuộc thị trấn Tân Uyên được thành lập theo chương trình tái định cư thủy điện trong thời gian gần đây. Điều chỉnh diện tích trên cơ sở diện tích cũ của bản Hua Chăng, trong đó có sự sáp nhập của 61 hộ gia đình, với 320 nhân khẩu của bản Pắc Sô A và Pắc Sô B, xã Tà Mít chuyển đến tái

định cư và lập thành bản Tân Hợp. Tại đây, chủ yếu là người Dao Đỏ, chung sống cùng 3 dân tộc khác là dân tộc Thái, Khơ Mú, Mông.

Người Dao Đỏ tại hai bản này có nghề làm giấy hiện còn cho đến nay, đặc biệt, phụ nữ ở nơi đây rất thông thạo trong công việc trực tiếp tạo ra các tờ giấy theo cách thủ công truyền thống, một loại giấy độc đáo, có nguồn gốc lâu đời và qui trình sản xuất được lưu giữ qua nhiều thế hệ. Dù vậy, đàn ông người Dao ở bản Hua Chăng và Tân Hợp đều có thể đề cập đến các qui trình, kỹ thuật mà không cần trực tiếp thực hiện. Tuy nhiên, xu thế phát triển về điều kiện sống hiện nay, thế hệ trẻ được tiếp cận với nhiều sản phẩm mới, sản xuất công nghiệp, thu hút tiêu dùng, tiện lợi, rẻ tiền, dễ sử dụng nên nghề làm giấy của người Dao Đỏ đang có nguy cơ bị mai một. Theo đó, nếu trước đây, hầu hết các hộ gia đình Dao Đỏ đều làm giấy, thì hiện nay số lượng gia đình làm giấy giảm dần, chỉ còn một số ít hộ làm nghề. Bác Phùng Trung Dín - bí thư chi bộ bản Hua Chăng cho biết: “Nghề làm giấy thủ công, bằng tay, hiện nay ở đây còn độ 4 đến 5 nhà làm đấy. Trong bản hiện còn người lớn tuổi có kinh nghiệm làm nghề như: bà Sin Thị Náy, Phùng Thị Ninh, Chảo Thị Liễu, Phàn Thị Phế, Chảo Thị Phan, Liễu Thị Phán, có độ tuổi từ 50 đến 60 tuổi”. Chính vì vậy, việc bảo tồn và phát huy tri thức dân gian trong nghề làm giấy là một nhu cầu cần thiết, nhằm lưu giữ và bảo tồn những kinh nghiệm đã được đúc kết từ lâu đời.

2. Bảo tồn và phát huy tri thức dân gian trong qui trình làm giấy của người Dao Đỏ ở Hua Chăng và Tân Hợp

Nghề làm giấy ở hai bản Hua Chăng và Tân Hợp thường sử dụng những nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên. Nếu ở một số vùng miền có dân tộc Dao sinh sống, giấy được sử dụng để vẽ tranh thờ, làm lễ cấp sắc... thì ở bản Hua Chăng và Tân Hợp, giấy làm ra chủ yếu dùng để làm tiền âm phủ, nhuộm màu để trang trí trong nhà vào những dịp đặc biệt như: cưới, tết, ma chay. Trước đây, giấy được dùng để ghi

chép phục vụ nghi lễ truyền thống, và làm *bía* cho trẻ con, người lớn, chính những nhu cầu tâm linh thiết yếu này đã giúp cho người Dao Đỏ nói chung và người Dao Đỏ ở bản Hua Chăng nói riêng ngày càng tích lũy được nhiều kinh nghiệm, làm dày thêm vốn tri thức dân gian của mình trong nghề làm giấy.

Giấy của người Dao Đỏ nơi đây được thực hiện theo những bí quyết riêng, với những công đoạn khá cầu kỳ để cho ra những tấm giấy mỏng, dai và có độ bền lên tới vài chục năm nếu được bảo quản tốt. Bởi thế, loại giấy này phổ biến và được ưa thích không chỉ trong cộng đồng người Dao, mà còn thu hút cả những gia đình người Mông tới mua. Ông Chảo Văn Diệt, một người Dao ở bản Tân Hợp cho biết: "Cái giấy người Dao, chúng tôi thường lấy cây rom để làm giấy. Mỗi khi đi làm nương, chúng tôi lấy cái hái của người Dao ấy. Đi hái từng cây một, bó thành từng kum từng kum. Phơi ngoài ruộng cho thật khô, chặt thành đống ở trên nương. Đến mùa thì gánh về, khi sử dụng thì đập rồi cắt cuống đi, cho vào chảo, nấu cho thật mềm, cho sôi và ngâm cho đến khi nát hết ra, rồi đập nát, rồi hoà nước". Bí quyết thể hiện ở kinh nghiệm sử dụng dụng cụ (như cái đũa) để lấy sợi to ra, chỉ để lại hỗn hợp bột nhỏ; lấy vỏ cây làm chất keo; đóng khung, căng vải thật phẳng làm khuôn tráng; khuôn khi đổ bột giấy phải để bằng phẳng, không nghiêng; dụng cụ đã rải đều bột giấy lên khi bột đã se mặt đến khi thấy phần bột đã bám chắc lên bề mặt khung vải thì đem phơi thật khô. Khi đã khô, người Dao thường dùng một dụng cụ để bóc giấy, được tạo từ xương của con thú rừng như sừng con nai hoặc trâu rồi vót mỏng, mài một cạnh, giấy bóc ra rồi đem gấp lại làm sản phẩm phục vụ cho sinh hoạt tín ngưỡng của dân tộc mình.

Có thể thấy, qui trình và kỹ thuật làm giấy của người Dao Đỏ được thực hiện với nhiều "bí quyết" thể hiện tri thức, kinh nghiệm dân gian, vì thế, tổng kết các tri thức dân gian trong làm nghề để bảo tồn và phát huy giá trị của nó sẽ tập trung vào các tri thức sau:

Tri thức dân gian trong lựa chọn nguyên liệu

Trước hết, người Dao Đỏ biết sử dụng nguyên liệu từ thiên nhiên, như các loại cây: cây vầu non (hào im lún) cho ra những tờ giấy có độ xốp, dai và màu trắng đục; nếu cây dó là nguyên liệu tạo giấy của người Kinh, cây vò dướng (mạy Sla) là nguyên liệu của người Nùng thì dân tộc Dao Đỏ ở bản Hua Chăng và Tân Hợp, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên sử dụng chất liệu rom rạ (cần đất) và vầu non. Đặc biệt, rom tạo ra loại giấy có màu vàng, xốp, vừa đủ dai để dùng làm giấy trang trí, đủ xốp để dễ cháy khi dùng làm tiền vàng cúng người chết...

Vỏ cây mò, hay còn gọi là zuông (loại cây rừng, gần giống cây vả, phải bóc vỏ trước khi dùng) được lựa chọn để làm keo tạo sự liên kết, kết dính các thành phần trong bột làm giấy, bảo đảm cho bột giấy khi rải đều lên bề mặt khung khi khô vẫn có thể dễ dàng tách khỏi tấm phên.

Nguyên liệu không thể thiếu tiếp theo là vôi bột và tro bếp, đây là những chất xúc tác, có tác dụng làm cho thân vầu đã chẻ nhỏ khi đun với vôi và tro sẽ nhanh mềm và cho ra nhiều bột làm giấy hơn.

Cây chầy kiêu, hay một loại lá vừng trắng cũng là những chất phụ gia để tạo chất làm trắng vầu, ngâm cây vầu với loại cây này vừa giúp giảm công đoạn bóc vỏ, vừa giúp sản phẩm giấy làm ra được trắng và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hơn.

Tri thức dân gian trong sơ chế nguyên liệu làm giấy

Sơ chế nguyên liệu: cây vầu non, khi thân cao khoảng 1m50 là có thể thu hoạch. Tương tự như vậy, rom (sau khi đã cắt bỏ phần bông) cũng được chặt thành từng đoạn dài khoảng 20-25cm, sau đó chẻ nhỏ và cho vào chảo lớn đun với nước lã, vôi bột và tro bếp. Hỗn hợp này được luộc kỹ trong khoảng thời gian 5-7 giờ cho đến khi các thân vầu trở nên chín mềm và nhừ, sẵn sàng cho công đoạn làm bột cho giấy.

Tạo chất phụ gia keo dính: lớp vỏ già của cây mò được gọt lấy lớp vỏ bên ngoài và thêm

một ít thân cây, ngâm trong nước lã khoảng 1-2 ngày để thu được một chất nhớt màu trắng trong được gọi là nhựa mờ. Vỏ cây mờ đã được ngâm trong khoảng thời gian nhất định, khi ra một chất nhớt trắng, trong sẽ được lọc để bỏ bã và thu về một hợp chất có độ nhớt cao, giống như một chất keo dính.

Công đoạn tạo bột giấy: Vầu hoặc rom đã luộc được ngâm với vôi và tro bếp khoảng mười ngày cho nhuyễn hẳn, giã nhuyễn bằng cối hoặc dùng chày gỗ đập liên tục, lặp lại nhiều lần và cho vào lọc bỏ bã, tạo ra một loại dung dịch sền sệt có màu ngả vàng, ánh xanh. Chất nhớt làm keo dính được trộn đều với dung dịch trên theo một tỷ lệ thích hợp, đảm bảo cho bột giấy không bị dính và giấy quá dai (khó đốt khi làm vàng má).

Khi đã có hỗn hợp bột giấy và vỏ cây mờ, hỗn hợp này được những người phụ nữ Dao khéo léo rót thật đều tay trên bề mặt những khuôn tráng đã làm ướt và gác lên một hệ thống giàn phơi cho đến khi bề mặt khuôn tráng được phủ kín bằng một lớp bột giấy mỏng, dàn trải đều. Một trong những kinh nghiệm của người Dao Đỏ nơi đây, khi rót hỗn hợp bột giấy cần tỷ mỉ và không được di chuyển khuôn tráng bởi bề mặt giấy sẽ bị hỏng do chất kết dính bị phá vỡ liên kết. Sau khi được phơi khô, giấy sẽ được lấy ra khỏi khuôn bằng dụng cụ chuyên dụng, đảm bảo giấy không bị rách hay dính vào khuôn tráng giấy.

Tri thức trong lựa chọn công cụ thực hành

Nghề làm giấy ở bản Hua Chăng và Tân Hợp có công cụ khá đặc trưng, đó là khuôn làm giấy khổ lớn, nồi nấu bột giấy, gáo rót bột giấy và khúc xương sườn trâu mỏng, dẹt (gọi là chày sím) cho phép dễ dàng tách giấy đã khô ra khỏi khuôn mà không làm rách giấy.

Khuôn tráng giấy được tạo từ các thân cây tre, buộc lại theo kích thước của khổ vải (thường có kích thước 1m đến 1m2) và có chiều dài khoảng 1m8. Do vậy, thường thì giấy sẽ có màu trắng đục và kích thước 1m2 x 1m8. Vải được kéo căng trên khuôn, tựa như

làm khung thêu, với cách thức tạo khuôn tráng giấy như vậy, sản phẩm giấy làm ra có khổ giấy lớn hơn so với các kỹ thuật xeo giấy khác của người Kinh, đồng thời, giấy làm ra có độ dày mỏng tương đối đều, song vẫn tạo được độ xốp và dai theo yêu cầu. Khuôn tráng giấy thường có nhiều và có kích cỡ khác nhau, tùy theo mục đích sử dụng, giấy làm ra thường có màu vàng hơn so với những tấm giấy làm từ các nguyên liệu khác...

Tri thức dân gian trong vấn đề phát triển bền vững

Trong trao truyền nghề làm giấy, người dân bản Hua Chăng và Tân Hợp vẫn luôn ý thức được về giá trị của nghề thủ công, một nghề mà nhiều người khi được hỏi đều trả lời: Ôi, có từ thời xưa cơ, bác không biết đâu, có từ lâu đời lắm rồi, từ lúc lớn lên đã thấy có nghề này rồi (phỏng vấn ông Phùng Trung Dín, bản Hua Chăng). Họ cũng luôn cho rằng, việc truyền nghề vốn đã có từ lâu đời, người già dạy lại người trẻ để lưu giữ kinh nghiệm và tri thức thực hành nghề, bởi: "Người xưa đã làm, cả đời đều làm, làm lâu dài vì vẫn phải sử dụng mà. Lớp trẻ cũng tập làm vì đời này truyền sang đời khác. Mình sử dụng để cúng lung tung thôi đốt cho nó. Vì giấy này sử dụng để làm tiền cúng lễ, ví dụ như lễ gọi hồn, trẻ con thường thường hay gọi hồn cho nó đấy, mình dùng giấy này, nó (ma) mới về phù hộ cho đứa trẻ hay ăn chóng lớn. Chỉ dùng vào dịp lễ, ngày thường không dùng đến đâu" (ông Phùng Trung Dín).

3. Kết luận

Bảo tồn và phát huy tri thức dân gian trong thực hành nghề truyền thống là một yếu tố quan trọng trong sự phát triển bền vững của một nghề, đặc biệt, nghề thủ công ở các dân tộc thiểu số, như nghề làm giấy của người Dao Đỏ ở hai bản: Hua Chăng và Tân Hợp. Bởi, theo đánh giá của một số nhà nghiên cứu, tri thức dân gian không chỉ đại diện cho các vấn đề phát triển, mà còn là nguồn tài nguyên cần được học hỏi, nghiên cứu từ phía cộng đồng địa phương, từ đó cải thiện sự hiểu biết và cung cấp nguồn dữ liệu hữu ích cho

các hoạt động giúp đỡ cộng đồng. Thêm nữa, việc bảo tồn và phát huy các tri thức dân gian trong nghề thủ công nói chung có thể giúp cải thiện và hỗ trợ sự phát triển bền vững cho chính cộng đồng sở hữu di sản nghề như nghề làm giấy ở bản Hua Chăng và Tân Hợp, tỉnh Lai Châu. Bảo tồn và chia sẻ tri thức dân gian trong và trên khắp các cộng đồng có thể giúp tăng cường sự hiểu biết đa văn hóa và thúc đẩy chiều kích của sự phát triển văn hóa nói chung và làng nghề thủ công các dân tộc ở Việt Nam nói riêng./

Đ.T.M.H

1. Knowledge and Learning Center Africa Region, World Bank, *Indigenous knowledge for development - a frame work for action*, November 4, 1998.

2. Nguyễn Danh Tiên (2014), “Tri thức bản địa”, tạp chí *Lý luận Chính trị*, số 6, tr. 101.

3. Knowledge and Learning Center Africa Region, World Bank (1998).

4. P. Blunt, D. M. Warren. Indigenous Organizations and Development, *Journal of Political Ecology, Case Studies in History and Society*, 1998.

5. Nguyễn Danh Tiên (2014), bđd, tr. 101.

6. Đặng Thị Nhuận, Dương Quỳnh Phương, “Tri thức bản địa của dân tộc Dao khu vực miền núi phía Bắc trong việc lựa chọn đất đai, địa hình canh

tác và hệ thống cây trồng”, tạp chí *Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, tr. 175-183.

7. Jean - Pierre Drège, “Những ghi chép đầu tiên về nghề làm giấy ở Việt Nam qua thư tịch Trung Hoa”, kỷ yếu hội thảo quốc tế *Việt Nam học lần thứ nhất nhất*, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 74-79.

8. Knowledge and Learning Center Africa Region, World Bank (1998), tr. 3.

9. Bế Việt Đăng (1971), *Người Dao ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.

Tài liệu tham khảo khác

1. Vi Hồng Nhân (2004), *Văn hoá các dân tộc thiểu số: Từ một góc nhìn*, Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

2. Nguyễn Đăng Duy (2004), *Nhận diện văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc. Hà Nội.

3. Vũ Trường Giang (2012), “Tri thức bản địa”, tạp chí *Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 6, tr. 55-66.

4. Hà Thị Thu Thủy, Dương Quỳnh Phương (2012), *Tri thức dân gian của dân tộc Dao tỉnh Thái Nguyên*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.

5. Bùi Văn Vượng (2000), *Di sản thủ công mỹ nghệ Việt Nam*, Nxb. Thanh niên. Hà Nội.

6. Senanayake (2006), *Indigenous knowledge as a key to sustainable development*. University of Ruhuna, p. 87-94.

Đoàn Thị Mỹ Hương: Preserving and developing folk knowledge in the paper making trade of Red Dao people in Hua Chăng and Tân Hợp villages (Tân Uyên district, Lai Châu province)

In the field of intangible cultural heritage, traditional crafts are recognized from know-how, technical processes, and raw materials to create products. More remarkable is the environmental friendliness in the use of locally available raw materials, the way to handle raw materials .. all are summarized into folk knowledge - experiences obtained from human behavior with the environment. In many handicrafts of the northern mountainous ethnic groups, through research shows that folk knowledge in practice has been shown quite clearly from the selection of raw materials, to the technical processes ... both are a combination of experiences from generation to next generation.

This article will study issues related to the history of paper craft, folk knowledge concepts, or the paper making profession of the Red Dao people in Hua Chong and Tan Hop villages (Lai Chau province). Since then, it is necessary to preserve and promote the value of folk knowledge from the preliminary processing of raw materials, choosing tools for practice, to the relationship between folk knowledge and development sustainable in the paper making of the Red Dao in the Northern mountainous areas of our country.

Keywords: Traditional handicrafts; folklore, indigenous knowledge; paper making trade; Red Dao, Hua Chang, Tan Hop people; value preservation and promotion; raw materials; sustainable development.